

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BHI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BHI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BHI CONSTRUCTION INVESTMENT  
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BHI CL.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110216114

**3. Ngày thành lập:** 27/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà C3, lô BT06, khu đô thị Việt Hưng, Phường Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903212646

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện đến 35KV, Công trình hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hoả, trang trí nội thất, ngoại thất các công trình xây dựng | 4390(Chính) |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn đồ ngũ kim: khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào; - Bán buôn kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào   | 4663        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                 | 8299        |
| 9.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6810        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản                                 | 6820 |
| 11. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; | 7110 |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                   | 4690 |
| 13. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa, cửa chớp, cổng; - Vách ngăn phòng bằng kim loại.                                                                                                    | 2511 |
| 14. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng<br>Chi tiết: - Sản xuất khoá móc, khoá, chìa khoá, bản lề...phần cứng cho xây dựng, đồ đặc                                                                              | 2593 |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định                                                                                                                   | 4932 |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định                                                                                                                          | 4933 |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                              | 4311 |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm Đào mìn và các loại tương tự)                                                                                                                                                                   | 4312 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống gió, chiếu sáng, hệ thống điện, điện lạnh;                                                                                                                             | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                          | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRƯƠNG<br>MINH THẮNG | C3 BT06 Đô thị<br>Việt Hưng,<br>Phường Đức<br>Giang, Quận<br>Long Biên, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 5,000        | 0010860025<br>43                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                             | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                             |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THẾ<br>ANH    | Phòng 2209,<br>Chung cư CT1<br>B32, Phường Đại<br>Mỗ, Quận Nam<br>Tư Liêm, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 5,000        | 0010860146<br>03                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                             | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                             | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                             | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                             |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                        |                           |         |               |        |              |
|---|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | TRƯƠNG MINH TUẤN | C3 BT06 Đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 900.000 | 9.000.000.000 | 90,000 | 001066000141 |
|   |                  |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                                        | Tổng số                   | 900.000 | 9.000.000.000 | 90,000 |              |
|   |                  |                                                                                        |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THẾ ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001086014603

Ngày cấp: 01/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 2209, Chung cư CT1 B32, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 2209, Chung cư CT1 B32, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 24/01/1966

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001066000141

Ngày cấp: 06/02/2013

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: C3 BT06 Đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: C3 BT06 Đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội